

Bản án số: 255/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 11 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Bà Ngô Hồng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 494/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Anh T, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bảo L, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp B, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Anh T, thể hiện:*

Chị T và anh Nguyễn Bảo L kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Chung sống đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị T xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh L.

Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ái H, sinh ngày 24/4/2019 do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi Ái H và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi Ái H tròn 18 tuổi.

Về tài sản và các vấn đề khác: Chị T xác định không có.

* *Đối với anh Nguyễn Bảo L:* Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh L không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Huỳnh Thị Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Bảo L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Chị T và anh L kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Chung sống đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị T xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh L. Anh L không có ý kiến về các nội dung và yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Xét yêu cầu của chị T, thấy rằng: Chị T yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh L đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh L không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T thấy rằng, Nguyễn Ái H là nữ chưa được 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và do chị T đang nuôi dưỡng trong khi anh L không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Ái H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng:

Theo quy định của pháp luật cha, mẹ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh L phải có nghĩa vụ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung sau khi ly hôn nên yêu cầu cấp dưỡng của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét về mức cấp dưỡng nuôi con:

Do anh L không tham gia việc giải quyết vụ án tại Tòa án và không thể hiện ý kiến nhưng không vì thế mà chấp nhận đối với mức cấp dưỡng mà chị T đã đưa ra nên cần xem xét, điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao "mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con". Do vậy, để anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức 750.000 đồng/tháng và thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Chị T xác định không có. Anh L không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và anh L phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Anh T.
 - 1.1. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Bảo L.
 - 1.2. Về con chung:

Giao Nguyễn Ái H, sinh ngày 24/4/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Ái H theo mức 750.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/11/2020) cho đến khi Ái H tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011160 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp xong).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn